TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ TÂY NINH** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2019/DS-ST
Ngày: 27-11-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂY NINH TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mai Dung
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Liễu
Bà Huỳnh Thị Ngọc Thu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Khánh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 253/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102a/2017/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 75/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Xuân P, sinh năm 1967. Địa chỉ cư trú: Số MS, hẻm BM, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Vương Sơn H, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: Số BH, đường T P, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh (có mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1976; Ông Hà Văn L, sinh năm 1973. Địa chỉ cư trú: Số MB, hẻm BH, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố T N, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 14/6/2019 và quá trình giải quyết vụ, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân P và người đại diện theo ủy quyền của bà P- ông Vương Sơn H trình bày:*

Bà P và bà T, ông L là hàng xóm và quen biết với nhau, năm 2018, bà T, ông L có mượn tiền của của bà Phượng số tiền 131.000.000 đồng để mua mãng cầu, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, cụ thể:

Lần thứ nhất mượn vào ngày 09/4/2018 số tiền 111.000.000 đồng.

Lần thứ hai mượn vào ngày 30/5/2018 số tiền 20.000.000 đồng.

Ngày 14/8/2018 âm lịch, bà T có trả cho bà P được 10.000.000 đồng, trong giấy trả không ghi trả tiền gốc hay tiền lãi nhưng bà P đồng ý khấu trừ vào tiền gốc của 111.000.000 đồng. Bà P nhiều lần yêu cầu bà T, ông L trả tiền cho bà P nhưng vẫn chưa trả. Nay bà P yêu cầu bà T, ông L cùng trả cho bà số tiền 121.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 14/8/2018 âm lịch cho đến khi xét xử.

* Tòa án triệu tập hợp lệ bà T, ông L nhiều lần nhưng bà T, ông L không tham gia tố tụng tại Tòa, nên không thể hiện ý kiến của bà T, ông L.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh:*

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Bà P cung cấp giấy mượn nợ ngày 09/4/2018 và giấy mượn nợ ngày 30/5/2018 có chữ ký của bà T thể hiện: Bà T, ông L có mượn của bà P tổng số tiền 131.000.000 đồng, sau đó đã trả được 10.000.000 đồng vào ngày 23/9/2018, còn nợ lại 121.000.000 đồng, Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng bà T, ông L vắng mặt, không cung cấp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà P và cũng không tham gia hòa giải, thể hiện ý chí không hợp tác, không muốn trả nợ. Do đó, căn cứ vào những chứng cứ do bà P cung cấp nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

Đối với tiền lãi: Xét đề nghị tính lãi của bà P về việc yêu cầu bà T, ông L trả lãi theo quy định của pháp luật là 0,83% từ ngày 14/8/2018 đến ngày xét xử không phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS nên không chấp nhận. Giải quyết án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà P khởi kiện bà T, ông L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà T, ông L cư trú tại số MS, hẻm BM, đường B L, khu phố N T, phường N S, thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tây Ninh.

Bà Nguyễn Thị T, ông Hà Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông L là phù hợp theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà P yêu cầu bà T, ông L trả số tiền 121.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà P có cho bà T, ông L vay số tiền 131.000.000 đồng được thể bằng giấy vay tiền vào ngày 09/4/2018 và ngày 30/5/2018. Trong giấy vay tiền ngày 09/4/2018 có ghi " Đã gởi trả mười triệu 14/8/2018AL" tại biên bản lấy lời khai ngày 21/10/2019, đại diện theo ủy quyền của bà P - ông Vương Sơn H xác nhận bà Thân có trả 10.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ vào tiền gốc nên có cơ sở xác định bà T, ông L còn thiếu bà P 121.000.000 đồng.

Trong giấy vay tiền, phần trên giấy nợ có ghi tên ông L nhưng phần dưới giấy nợ không có ký tên, đại diện của nguyên đơn cũng xác nhận ông L không ký tên vào giấy vay tiền. Tuy nhiên, việc vay tiền của bà T, ông L để mua mãng cầu phát tiển kinh tế của gia đình, tòa án đã tống đạt hợp lệ nhưng ông L không tham gia tố tụng xem như từ bỏ quyền lợi của ông nên ông L cùng bà T có trách nhiệm trả cho bà P là phù hợp.

Bà P yêu cầu bà T, ông L trả tiền cho bà P nhưng bà T, ông L không trả mà thường vắng mặt ở nhà, việc bà T, ông L không trả tiền cho bà P làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà P nên bà khởi kiện yêu cầu bà T, ông L trả số tiền 121.000.000 đồng là có cơ sở.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của bà P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong đơn bà P trình bày lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng, trong giấy vay tiền không ghi lãi suất, bà P không cung cấp được chứng cứ xác định lãi suất 2%/tháng

như trong đơn khởi kiện, bà T, ông L đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng tại Tòa nên không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468, được tính là 10%/năm.

Bà P có cho bà T, ông L vay số tiền 131.000.000 đồng vào ngày 09/4/2018 và ngày 30/5/2018. Ngày 14/8/2018 âm lịch (là ngày 23/9/2018 dương lịch) trả 10.000.000 đồng, còn lại 121.000.000 đồng, bà P chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày 14/8/2018 âm lịch (23/9/2018 dương lịch) nên tiền lãi được tính như sau: Tính lãi từ ngày 23/9/2018 đến ngày xét xử 27/11/2019 là 14 tháng 04 ngày: 121.000.000 đồng x (10% : 12) x 14 tháng 04 ngày = 14.251.000 đồng.

[3] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà T, ông L cùng trả cho bà P số tiền gốc 121.000.000 đồng là phù hợp nên chấp nhận.

Đối với tiền lãi: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy: Như phân tích tại mục [2.2] và căn cứ theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự nên không chấp nhận theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc bà T, ông L trả cho bà P số tiền 135.251.000 đồng nên bà T, ông L phải chịu án phí 5% là 6.763.000 đồng theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" của bà Nguyễn Thị Xuân P đối với bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn L.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn L trả cho bà Nguyễn Thị Xuân P số tiền 135.251.000 (Một trăm ba mươi lăm triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn) đồng, trong đó tiền gốc là 121.000.000 đồng, tiền lãi là 14.251.000 đồng.

2. Kể từ ngày bà P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà T, ông L chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng bà T, ông L còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân

sự.

3. Về án phí sơ thẩm dân sự:

Bà Nguyễn Thị T, ông Hà Văn L chịu 6.763.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn) đồng.

Bà Nguyễn Thị Xuân P không phải chịu án phí sơ thẩm dân sự. Hoàn trả cho bà P tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.275.000 (Ba triệu hai trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0007187 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND TPTN;
- THADS TPTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Thị Mai Dung